TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 28 – 7 - 2023
"*V/v xin ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phẩm

Ông Lê Thành Tam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Bà Dương Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: **Chị Huỳnh Kim N**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã AP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Anh Nguyễn Thanh Thống E**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã AP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****** *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Kim N trình bày*: Nguyên vào năm 2007, chị và anh Nguyễn Thanh Thống E kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT1, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/06/2009 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận ở được thời gian đầu ở ấp TT, xã AP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do anh chị luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh Thống E.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên

Nguyễn Thị Thanh G, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2009, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu anh Thống E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh Thống E đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Huỳnh Kim N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện, bị đơn Nguyễn Thanh Thống E vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Xử cho chị Huỳnh Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Thống E. Giao con chung Nguyễn Thị Thanh G, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2009, cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Thống E không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh Thống E đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Toàn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007, chị Huỳnh Kim N và anh Nguyễn Thanh Thống E tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT1, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/06/2009 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Thống E là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẩn vợ chồng: theo chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu; đến năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do anh, chị luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Quá trình giải quyết anh Thống E đã được Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, triệu tập để hòa giải mâu thuẩn vợ chồng, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của

chị N nhưng vắng mặt không có lý do. Qua đó thấy rằng anh Thống E thừa nhận mâu thuẩn vợ chồng là có và không có thiện chí khắc phục mâu thuẩn cũng như hòa giải đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án đã chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Thống E đã mâu thuẩn trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài; nên xét việc chị N yêu cầu ly hôn với anh Thống E là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyễn Thị Thanh G, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2009, hiện đang sống với chị N, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án cháu G cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thị Thanh G cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N chưa yêu cầu anh Thống E cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Huỳnh Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Thống E.

2/ Về con chung: giao con chung Nguyễn Thị Thanh G, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2009 cho chị Huỳnh Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: do người trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: không yêu

cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Huỳnh Kim N phải nộp phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007711 ngày 18 tháng 4 năm 2023, chị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKSNDH;
- THADS;
-UBND xã TT1 (2009);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Tám